

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 12 - 2025

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Vân.

2. Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025 “Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1996, CCCD số: 064196003383, cấp ngày 29/4/2021; địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1995, CCCD số: 052095001116, cấp ngày 29/4/2021; địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H trình bày: Ngày 20/10/2014, chị Đặng Thị Thu H và anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do khác nhau về quan điểm sống, không thể chung sống với nhau được nữa. Do vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Trương Văn T1, sinh ngày

20/4/2014 và Trương Thị Bảo T2, sinh ngày 11/7/2019. Chị H yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng con số tiền 2.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Văn T tại bản khai ngày 27/10/2025 trình bày: Anh T và chị H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, do không hiểu tính nhau, không thông cảm cho nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh T đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung như chị H trình bày, anh T đồng ý với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của chị H. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T. Về con chung: Giao các cháu Trương Văn T1, sinh ngày 20/4/2014 và Trương Thị Bảo T2, sinh ngày 11/7/2019 cho chị H nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị H. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không đề cập. Về án phí: Chị H và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T, sinh năm 1995, CCCD số: 052095001116, cấp ngày 29/4/2021; địa chỉ: Làng K, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu H và anh Trương Văn T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Trương Văn T1, sinh ngày 20/4/2014 và Trương Thị Bảo T2, sinh ngày 11/7/2019. Chị H có nguyện vọng nuôi hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng/cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H có khả năng lao động để nuôi con. Cháu T1 có nguyện vọng được chị H nuôi dưỡng, cháu T2 còn nhỏ nên cần mẹ nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cho chị H nuôi dưỡng các cháu T1 và T2.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng/cháu, cho đến khi các cháu T1 và T2 đủ 18 tuổi. Anh T cũng đồng ý với mức yêu cầu cấp dưỡng của chị H. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu H.

- *Về hôn nhân:* Chị Đặng Thị Thu H được ly hôn với anh Trương Văn T.

- *Về nuôi con chung:* Giao cho chị Đặng Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Văn T1, sinh ngày 20/4/2014 và Trương Thị Bảo T2, sinh ngày 11/7/2019, khi các cháu T1 và T2 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu T1 và T2 với số tiền 2.000.000đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2026 cho đến khi các cháu T1 và T2 đủ 18 tuổi và tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0004002 ngày 22/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Gia Lai; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng.

3. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (31/12/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- UBND xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông